

Số: 145/QĐ-THNS

Mường Chà, ngày 14 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách quỹ III năm 2025 Trường Tiểu Học Na Sang

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 18 tháng 07 năm 2025, quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 28 tháng 08 năm 2025 và quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 30 tháng 09 năm 2025 của UBND xã Na Sang về việc tạm cấp kinh phí chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị của 3 tháng 07,08,09 năm 2025,

Xét đề nghị của Trường Tiểu Học Na Sang xã Na Sang

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách quỹ III năm 2025 của Trường Tiểu Học Na Sang xã Na Sang (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán và các bộ phận thuộc trường Tiểu Học Na Sang tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Lưu :VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Đỗ Trí Thích

Đơn vị: Trường Tiểu Học Na Sang
Chương: 822



Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số
90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018
của Bộ Tài chính

ĐỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số: 145/QĐ-THTT ngày 14/10/2025 của Trường Tiểu Học Na Sang)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
2.2	Chi quản lý hành chính	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.784,00
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	1.784,00
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.784,00
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0,00
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
11	Chi Chương trình mục tiêu	